

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT THANH OAI A



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT THANH OAI A
GIAI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN 2035

Hà Nội, tháng 09 năm 2025

MỤC LỤC

A. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

B. NỘI DUNG

PHẦN 1. SỨ MỆNH, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ

- 1.1. Sứ mệnh
- 1.2. Tầm nhìn
- 1.3. Hệ thống giá trị cơ bản

PHẦN 2. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

2.2. Đánh giá tác động chung và phân tích cạnh tranh

- 2.2.1. Đánh giá tác động chung
- 2.2.2. Phân tích cạnh tranh

2.3. Thực trạng nhà trường

- 2.3.1. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ nhân sự:
- 2.3.2. Quy mô và cơ sở vật chất
- 2.3.3. Chất lượng giáo dục

2.4. Phân tích SWOT

- 2.4.1. Điểm mạnh (Strengths)
- 2.4.2. Điểm yếu (Weaknesses)
- 2.4.3. Cơ hội (Opportunities)
- 2.4.4. Thách thức (Threats)

2.5. Phân tích các vấn đề chiến lược phát triển nhà trường

- 2.5.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện
- 2.5.2. Đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật
- 2.5.3. Chuyển đổi số và phát triển học liệu số
- 2.5.4. Phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên
- 2.5.5. Tăng cường hoạt động giáo dục đạo đức lối sống, trải nghiệm hướng nghiệp
- 2.5.6. Tăng cường hợp tác và liên kết với cộng đồng.
- 2.5.7. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị nhà trường
- 2.5.8. Truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường

PHẦN 3. MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

3.1. Mục tiêu chiến lược

- 3.1.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển năng lực và phẩm chất học sinh
- 3.1.2. Hiện đại hóa cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin
- 3.1.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên chuyên nghiệp, sáng tạo
- 3.1.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học
- 3.1.5. Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu số hiện đại
- 3.1.6. Phát triển các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa và kỹ năng sống cho học sinh
- 3.1.7. Mở rộng hợp tác, liên kết và huy động các nguồn lực phát triển nhà trường
- 3.1.8. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường
- 3.1.9. Tăng cường công tác truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường

3.2. Các chỉ tiêu cụ thể

- 3.2.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên
- 3.2.2. Chất lượng giáo dục của học sinh
- 3.2.3. Hiện đại hóa cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin
- 3.2.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học
- 3.2.5. Phát triển các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa và giáo dục kỹ năng sống
- 3.2.6. Hợp tác, liên kết và huy động các nguồn lực phát triển nhà trường
- 3.2.7. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường
- 3.2.8. Tăng cường công tác truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường
- 3.2.9. Tăng cường công tác xây dựng Chi bộ Đảng

3.3. Các giải pháp chiến lược

- 3.3.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập
- 3.3.2. Đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin
- 3.3.3. Phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên
- 3.3.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy

- 3.3.5. Phát triển hoạt động ngoại khóa và giáo dục kỹ năng sống
- 3.3.6. Tăng cường hợp tác và liên kết
- 3.3.7. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường
- 3.3.8. Giáo dục hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế
- 3.3.9. Truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường
- 3.3.10 Tăng cường xây dựng tổ chức Đảng và công tác phát triển Đảng viên

PHẦN 4. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC

- 4.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị
- 4.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách
- 4.3. Phát triển nguồn lực
- 4.4. Phát triển chương trình giáo dục và học liệu
- 4.5. Tăng cường công tác truyền thông, xây dựng thương hiệu nhà trường

PHẦN 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

5.1. Tổ chức thực hiện

- 5.1.1. Thành lập Ban chỉ đạo và Ban Quản lý Kế hoạch Chiến lược
- 5.1.2. Vai trò của Chi bộ Đảng trong tổ chức thực hiện
- 5.1.3. Phân công nhiệm vụ cho các phòng ban, tổ chức
- 5.1.4. Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết
- 5.1.5. Đảm bảo nguồn lực và nâng cao năng lực thực hiện kế hoạch

5.2. Hệ thống chỉ số thực hiện

- 5.2.1. Sử dụng chỉ số đo lường (chỉ số BA...)
- 5.2.2. Thiết lập quy trình thu thập, lưu trữ và quản lý dữ liệu

5.3. Tổ chức giám sát và đánh giá việc thực hiện

- 5.3.1. Thiết lập cơ chế giám sát
- 5.3.2. Đánh giá kết quả thực hiện
- 5.3.3. Khen thưởng và kỷ luật
- 5.3.4. Công tác truyền thông và minh bạch

Số 522/KH-THPTTOA

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển Trường THPT Thanh Oai A
giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035

A. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Nghị quyết Số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

2. Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Ban chấp hành Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

3. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

4. Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

5. Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

6. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030";

7. Quyết định số 2161/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

8. Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; sửa đổi bổ sung bởi thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

9. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và

Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

10. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

11. Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn Cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học; sửa đổi bổ sung bởi thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

13. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

14. Kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Thanh Oai A giai đoạn 2020 - 2025.

15. Tình hình thực tế của nhà trường THPT Thanh Oai A và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

B. NỘI DUNG

PHẦN 1. SỨ MỆNH, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ

1. Sứ mệnh

- Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài cho con em nhân dân các xã phía nam của thành phố Hà Nội, góp phần phát triển quê hương đất nước.
- Chương trình giáo dục của nhà trường nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, định hướng nghề nghiệp tương lai, giúp các em trở thành những cá nhân tự tin, sáng tạo và có khả năng thích ứng với sự thay đổi của xã hội hiện đại.
- Tạo dựng một môi trường giáo dục tiên tiến, thân thiện và sáng tạo, nơi mỗi học sinh được phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực.
- Sản phẩm giáo dục của nhà trường là những công dân toàn cầu có trách nhiệm, năng động và hội nhập; sẵn sàng đóng góp tích cực cho cộng đồng và tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế.

2. Tầm nhìn

Trường THPT Thanh Oai A phấn đấu trở thành một trong những trường

hàng đầu khu vực phía nam thành phố Hà Nội với các mục tiêu cụ thể:

- Nâng chuẩn Mức độ 2 trường chuẩn quốc gia vào năm 2030; đạt được các tiêu chí cao hơn về chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và quản lý nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phấn đấu đạt tiêu chuẩn Trường học Hạnh phúc vào năm 2027; xây dựng một môi trường giáo dục hạnh phúc, nơi học sinh, giáo viên và nhân viên đều cảm thấy an toàn, tôn trọng và hạnh phúc trong học tập và làm việc.

- Phấn đấu đạt tiêu chuẩn trường học thông minh vào năm 2035; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học và quản lý, xây dựng hệ thống học tập thông minh đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghiệp 4.0.

- Trở thành địa chỉ tin cậy của giáo dục Thủ đô và là một trong ba trường THPT dẫn đầu của khu vực phía nam thành phố Hà Nội vào năm 2030. Nâng cao uy tín và chất lượng giáo dục, thu hút học sinh và phụ huynh, đóng góp tích cực vào sự phát triển của giáo dục Thủ đô.

3. Hệ thống giá trị cơ bản

Hệ thống giá trị cơ bản của trường THPT Thanh Oai A được xây dựng dựa trên sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường, nhằm định hướng cho mọi hoạt động giáo dục và quản lý. Các giá trị này là nền tảng để phát triển môi trường học tập tích cực, thân thiện và hiệu quả, giúp học sinh phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức.

(1) Chăm chỉ: kiên trì, nỗ lực không ngừng trong học tập và rèn luyện.

(2) Trách nhiệm: chủ động, ý thức với bản thân, gia đình và xã hội.

(3) Nhân ái: sống yêu thương, sẻ chia, tôn trọng sự khác biệt.

(4) Tự học: chủ động tìm tòi, học hỏi suốt đời, phát triển bản thân.

(5) Hợp tác: biết lắng nghe, phối hợp, cùng phát triển vì mục tiêu chung.

(6) Sáng tạo: dám nghĩ, dám làm, đổi mới tư duy, thích ứng với thay đổi.

PHẦN 2. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục đang đổi mới với những thay đổi sâu sắc để đáp ứng yêu cầu của thế kỷ 21. Công nghệ thông tin và truyền thông đã và đang được tích hợp mạnh mẽ vào mọi lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục. Xu hướng chuyển đổi số không chỉ diễn ra trên phạm vi toàn cầu mà còn được thúc đẩy mạnh mẽ trong nước, theo các quyết định và chiến lược quốc gia như Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi hệ thống giáo dục phải trang bị cho học sinh không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề và khả năng học tập suốt đời. Điều này phù hợp với định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã được triển khai, tập trung vào phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, tích hợp và phân hóa trong giảng dạy, định hướng nghề nghiệp tương lai. Luật Giáo dục năm 2019 cùng với Chiến lược phát triển giáo dục 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ) đã tạo ra khuôn khổ pháp lý và chiến lược cho sự phát triển của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới.

2.2. Đánh giá tác động chung và phân tích cạnh tranh

2.2.1. Đánh giá tác động chung

Kế hoạch chiến lược phát triển của trường THPT Thanh Oai A giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, đáp ứng nhu cầu giáo dục ngày càng cao của học sinh và phụ huynh trong khu vực. Nhà trường đào tạo những học sinh có kiến thức vững chắc, kỹ năng mềm và phẩm chất tốt, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho địa phương và cả nước, thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong giáo dục. Việc hướng tới mục tiêu trở thành "Trường học thông minh" vào năm 2035 thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý, nâng cao hiệu quả giáo dục góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường đòi hỏi đầu tư lớn về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đào tạo nhân lực, gây áp lực lên ngân sách và khả năng huy động nguồn lực; quá trình đổi mới có thể gặp khó

khăn do sự e ngại trước thay đổi, đòi hỏi sự thích ứng và nỗ lực từ đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên; ứng dụng công nghệ có thể tạo ra khoảng cách giữa học sinh có điều kiện tiếp cận công nghệ và học sinh có hoàn cảnh khó khăn, cần có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

2.2.2. Phân tích cạnh tranh

Đối thủ cạnh tranh trực tiếp của trường THPT Thanh Oai A là các trường THPT trên địa bàn phía nam thành phố Hà Nội. Bao gồm các trường công lập có uy tín, chất lượng giáo dục tốt, thu hút lượng lớn học sinh như THPT Lê Quý Đôn, THPT Thanh Oai B, ...; các trường ngoài công lập, các trường dân lập, tư thục với cơ sở vật chất hiện đại, chương trình học đa dạng, thu hút một bộ phận học sinh có nhu cầu đặc biệt.

Đối thủ cạnh tranh gián tiếp là các trường tại khu vực lân cận và trung tâm thành phố Hà Nội, học sinh có thể lựa chọn học tại các trường ở trung tâm thành phố với mong muốn tiếp cận môi trường học tập tiên tiến hơn.

Lợi thế cạnh tranh của trường THPT Thanh Oai A:

- Vị trí địa lý, trường THPT Thanh Oai A nằm ở phía Nam thành phố Hà Nội, thuận lợi cho học sinh ở khu vực tiếp cận.
- Truyền thống lâu đời với 60 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã xây dựng được uy tín trong cộng đồng địa phương.
- Đội ngũ giáo viên tâm huyết với 90 cán bộ, giáo viên và nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn, tận tâm với nghề.
- Chi phí học tập hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế của đa số gia đình trong khu vực do là trường công lập.

2.3. Thực trạng nhà trường

2.3.1. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ nhân sự

- Nhà trường hiện có 90 cán bộ, giáo viên, nhân viên ; Ban giám hiệu gồm Hiệu trưởng và hiệu phó có kinh nghiệm quản lý, lãnh đạo nhà trường. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao.

BIÊN CHẾ	CBQL	GIÁO VIÊN	NHÂN VIÊN	TỔNG
Số lượng	3	74	13	90
Nữ	2	56	10	68
Đảng viên	3	24	4	41

Thạc sĩ	3	27	0	27
---------	---	----	---	----

(Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên)

TỔ CHUYÊN MÔN	Toán – GDQP& AN	Văn- Sử MT- AN	NN – TH – KTPL- TV-TB	Lý – Sinh - CN	Hóa - Địa - GDTC	Văn phòng	TỔNG
Số lượng	16	17	20	14	13	10	90
Số nữ	12	15	17	8	9	7	68
Đảng viên	8	9	9	6	7	2	41
Thạc sĩ	8	5	4	6	4	0	27

(Số lượng giáo viên, cán bộ, nhân viên các tổ)

2.3.2. Quy mô và cơ sở vật chất

- Số lượng lớp học và học sinh năm học 2025 - 2026

KHỐI LỚP	KHỐI 10	KHỐI 11	KHỐI 12	TỔNG
Số lớp	16	14	14	44
Số HS	697	627	624	1948
Số HS nữ	362	313	334	1009

- Cơ sở vật chất trong năm học 2025 - 2026:

Tổng số phòng học: 37 phòng

Phòng học bộ môn: 08 phòng; trong đó có 01 phòng Tin học, 01 phòng KHXH, 01 phòng Vật lí, 01 phòng Hóa học, 01 phòng Sinh học. 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Công nghệ

Phòng phục vụ học tập: có 03 thư viện, 02 phòng thiết bị giáo dục.

2.3.3. Chất lượng giáo dục

Trong giai đoạn 5 năm học vừa qua, tuy điểm tuyển sinh đầu vào của còn thấp, song bằng sự nỗ lực của thầy và trò nhà trường đã có nhưng kết quả học tập và rèn luyện khá cao.

- Kết quả học tập

Năm học	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	C.Đạt	Chỉ số BA
2023-2024	61,41	37,54	1,05	0.0	56
2024-2025	67,10	32,31	0,59	0.0	74

- Kết quả rèn luyện

Năm học	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	C.Đạt	Chỉ số BA
2023-2024	96,12	3,38	0,33	0,16	96
2024-2025	95,01	4,38	0,43	0,11	96

- Danh hiệu học sinh xuất sắc, học sinh giỏi

Năm học	Học sinh xuất sắc (%)		Học sinh giỏi (%)	
2023-2024	47 HS	3.78	565 HS	45.45
2024-2025	190 HS	10,25	1041 HS	56.18

- Học sinh lớp 10, 11 thi học sinh giỏi cấp Huyện

Năm học	SL	Nhất	Nhì	Ba	KK
2023-2024	41	06	14	13	18
2024-2025	49	01	4	11	34

- Học sinh lớp 12 thi học sinh giỏi cấp Thành phố

Năm học	SL	Nhất	Nhì	Ba	KK
2023-2024	8	01	01	0	06
2024-2025	7	0	01	01	05

*** Phong trào thể dục thể thao học sinh có nhiều thành tích cao**

- Giải thể thao giáo viên, học sinh cấp Huyện

Năm học	SL	Vàng	Bạc	Đồng	
2023-2024	23	10	9	4	
2024-2025	41	19	11	12	

- Giải thể thao học sinh cấp Thành phố

Năm học	SL	Vàng	Bạc	Đồng	
2023-2024	3	0	0	3	
2024-2025	4	0	0	4	

2.4. Phân tích SWOT

2.4.1. Điểm mạnh (Strengths)

- Truyền thống lâu đời, trường THPT Thanh Oai A được thành lập từ năm 1965, với 60 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã tạo dựng được uy tín và niềm tin trong cộng đồng.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên tâm huyết và có trình độ ; nhà trường có 90 cán bộ, giáo viên, nhân viên; đủ số lượng để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và quản lý. Nhiều giáo viên có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm giảng dạy phong phú, đạt giáo viên dạy giỏi cấp cụm và cấp Thành phố. Đội ngũ giáo viên tận tâm, nhiệt tình, sẵn sàng đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục.

- Môi trường học tập thân thiện ; nhà trường có sự gắn kết giữa giáo viên và học sinh, tạo ra môi trường học tập tích cực; học sinh có ý thức kỷ luật, tuân thủ nội quy nhà trường.

- Học sinh chăm ngoan và kỉ luật tốt, tỉ lệ học sinh đạt rèn luyện tốt cao, ít vi phạm nội quy, có tinh thần tự giác, tham gia tích cực các hoạt động ngoại khóa, phong trào.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục học sinh; nhà trường cũng được sự tin tưởng và ủng hộ từ nhân dân các xã trong huyện Thanh Oai cũ.

2.4.2. Điểm yếu (Weaknesses)

- Cơ cấu giáo viên chưa đồng đều, một số môn học thiếu giáo viên, có môn thừa giáo viên gây khó khăn trong công tác phân công chuyên môn.

- Về cơ sở vật chất: phòng học còn chưa đạt chuẩn, phòng học bộ môn còn thiếu, thiết bị dạy học thiếu và chưa đồng bộ.

- Một số giáo viên còn có tâm lí ngại đổi mới, phương pháp dạy học chưa thật sự hiệu quả.

- Chất lượng đầu vào của học sinh nhà trường còn thấp.

2.4.3. Cơ hội (Opportunities)

- Chính phủ đã đề ra chiến lược phát triển giáo dục trong giai đoạn 2021-

2030, tầm nhìn đến năm 2035, với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục. Đây là cơ hội để nhà trường nhận được sự hỗ trợ về chính sách, hướng dẫn và nguồn lực từ các cấp quản lý giáo dục; nhà nước tăng cường đầu tư ngân sách cho giáo dục, đặc biệt chú trọng nâng cấp cơ sở vật chất xây mới khu phòng học chức năng trường phổ thông. Trong cuối năm 2024, nhà trường được thành phố Hà Nội đầu tư 34,5 tỉ đồng để xây dựng và cải tạo trường THPT Thanh Oai A,

- Chính phủ có chính sách thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

- Nhu cầu giáo dục chất lượng của phụ huynh và học sinh ngày càng lớn, cha mẹ học sinh ngày càng quan tâm đến chất lượng giáo dục, sẵn sàng đầu tư về thời gian, tài chính để con em mình được học tập trong môi trường tốt nhất. Cha mẹ học sinh sẵn sàng hợp tác với nhà trường trong việc giáo dục và phát triển toàn diện cho học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường triển khai các chương trình giáo dục mới.

- Học sinh mong muốn được tiếp cận với kiến thức mới, phương pháp học tập hiện đại, phát triển kỹ năng mềm và định hướng nghề nghiệp tương lai; sẵn sàng tham gia các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, dự án học tập, tạo điều kiện cho nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng.

- Kinh tế - xã hội các xã phía nam thành phố Hà Nội đang phát triển mở ra cơ hội cho nhà trường có thể huy động nguồn lực từ cộng đồng, các tổ chức xã hội, cựu học sinh để đầu tư phát triển cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục.

- Sự phát triển của công nghệ cho phép nhà trường áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như e-learning, lớp học trực tuyến, sử dụng phần mềm giáo dục, nâng cao hiệu quả giảng dạy. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giúp nhà trường nâng cao hiệu quả quản lý hành chính, quản lý học sinh, đánh giá chất lượng giáo dục một cách chính xác và minh bạch.

- Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu giúp nhà trường cập nhật kiến thức mới, phương pháp giảng dạy tiên tiến, tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với môi trường học tập đa dạng.

2.4.4. Thách thức (Threats)

- Nhiều trường THPT công lập tại Hà Nội và khu vực lân cận đã và đang nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư mạnh vào cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và chương trình giảng dạy. Họ thu hút học sinh bằng những thành tích nổi bật trong học tập và hoạt động ngoại khóa. Trường tư cơ sở vật chất hiện đại, chương

trình giảng dạy tiên tiến, phương pháp giáo dục hiện đại và môi trường học tập quốc tế thu hút một bộ phận học sinh có điều kiện kinh tế. Việc nhiều trường có chất lượng cao thu hút học sinh giỏi khiến trường THPT Thanh Oai A đối mặt với khó khăn trong việc tuyển sinh và giữ chân học sinh giỏi.

- Chương trình GDPT 2018 đòi hỏi giáo viên phải thay đổi cách tiếp cận, tập trung vào phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, sử dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm. Giáo viên cần phải học hỏi và cập nhật liên tục để nắm bắt nội dung chương trình GDPT 2018, sử dụng các công cụ và phương pháp giảng dạy hiện đại. Việc triển khai chương trình GDPT 2018 đòi hỏi thời gian và nguồn lực đáng kể, từ việc đào tạo giáo viên đến chuẩn bị tài liệu, thiết kế bài giảng mới.

- Giáo viên cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hiểu biết sâu về môn học và phương pháp giảng dạy mới. Để ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, giáo viên cần thành thạo sử dụng các công cụ công nghệ, phần mềm giáo dục. Giáo viên cần phát triển kỹ năng quản lý lớp học theo hướng tích cực, khuyến khích sự tham gia của học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và hiệu quả.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa gặp khó khăn về mặt cơ chế, việc kêu gọi sự đóng góp từ cộng đồng, doanh nghiệp, phụ huynh không phải lúc nào cũng thuận lợi.

- Cha mẹ học sinh không đầu tư máy tính, điện thoại thông minh kết nối internet ổn định để tham gia học tập trực tuyến hoặc sử dụng tài nguyên học tập trực tuyến.

- Nhà trường cần có biện pháp phòng ngừa và xử lý các vấn đề về bạo lực học đường, tư vấn tâm lý, đảm bảo môi trường học tập an toàn.

2.5. Phân tích các vấn đề chiến lược phát triển nhà trường

2.5.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Vấn đề: Chất lượng giáo dục mũi nhọn còn chưa cao, số lượng học sinh giỏi thành phố, học sinh giỏi quốc gia, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật còn thấp hoặc chưa có học sinh tham gia. Chất lượng học sinh đại trà với tỉ lệ học sinh xuất sắc, học sinh giỏi, tỉ lệ đỗ đại học còn thấp. Việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực đôi khi còn mang tính hình thức.

Chiến lược:

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường với mục tiêu rõ ràng, đi kèm với việc đổi mới phương pháp dạy học bằng cách áp dụng các phương pháp dạy học tích cực và sử dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi, cải tiến chương trình đào tạo, tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào các cuộc thi học sinh giỏi cấp thành phố, cấp quốc gia và các cuộc thi nghiên cứu khoa học. Cùng với đó là xây dựng một môi trường học tập khuyến khích học sinh sáng tạo và phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học.

Xây dựng và phát triển các câu lạc bộ học thuật và kỹ năng, tạo ra môi trường học tập đa dạng và phong phú.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh thường xuyên và chính xác để theo dõi sự tiến bộ của từng học sinh. Phát triển các công cụ đánh giá phù hợp, vừa giúp kiểm tra kiến thức, vừa giúp phát hiện những điểm yếu của học sinh để có phương pháp hỗ trợ kịp thời. Các kết quả đánh giá cần được công khai, minh bạch và sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, nhằm nâng cao hiệu quả học tập.

2.5.2. Đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật

Vấn đề: Phòng học, phòng chức năng chưa đáp ứng được yêu cầu của giáo dục hiện đại; thiếu thiết bị công nghệ, mạng internet không ổn định, ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý.

Chiến lược: Xây dựng, cải tạo các phòng học, phòng chức năng theo tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu của trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Trang bị máy tính, thiết bị công nghệ cho phòng học, phòng máy tính; nâng cấp mạng internet; xây dựng hệ thống quản lý thông tin nhà trường; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy và học tập, tiến tới đạt tiêu chuẩn "Trường học thông minh" vào năm 2035.

2.5.3. Chuyển đổi số và phát triển học liệu số

Vấn đề : Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học, quản lý nhà trường còn hạn chế; hạ tầng số, thiết bị công nghệ chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục hiện đại. Chưa xây dựng được kho học liệu số của nhà trường; kỹ năng số của giáo viên và học sinh còn yếu, nhiều giáo viên còn lúng túng trong việc thiết kế, sử dụng học liệu số.

Chiến lược:

- Xây dựng lộ trình chuyển đổi số toàn diện trong các hoạt động của nhà trường, hướng tới mô hình trường học thông minh.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang bị thiết bị số, phần mềm quản lý và dạy học hiện đại; đảm bảo kết nối mạng ổn định, an toàn.

- Xây dựng, phát triển và khai thác hiệu quả kho học liệu số; khuyến khích giáo viên chủ động thiết kế, chia sẻ và sử dụng học liệu số trong giảng dạy.
- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, giáo viên và học sinh; tổ chức các lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ, xây dựng học liệu số.
- Tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ để hỗ trợ chuyển đổi số, phát triển học liệu số và cập nhật các xu hướng công nghệ giáo dục mới.

2.5.4. Phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên

Vấn đề: Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục của giáo viên chưa tốt. Năng lực tư vấn học sinh trong học tập, năng lực tư vấn hướng nghiệp cho học sinh còn hạn chế.

Chiến lược :

- Nâng cao năng lực chuyên môn và sư phạm bằng cách tổ chức các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, có trọng tâm, nhằm cập nhật kiến thức mới, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp với yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới; khuyến khích giáo viên chủ động nghiên cứu tài liệu, học tập suốt đời, và tham gia vào các hoạt động chuyên môn cấp trường, cấp cụm và cấp thành phố; ưu tiên phát triển năng lực thiết kế hoạt động học tập, đánh giá năng lực học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.
- Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đào tạo giáo viên về công nghệ số, công cụ dạy học trực tuyến, thiết kế học liệu số và sử dụng hiệu quả phần mềm hỗ trợ quản lý và giảng dạy.

2.5.5. Tăng cường hoạt động giáo dục đạo đức lối sống, trải nghiệm hướng nghiệp

Vấn đề: Một bộ phận học sinh hiện nay có biểu hiện sống thiếu lý tưởng, thiếu định hướng rõ ràng trong học tập và cuộc sống. Một số em gặp khó khăn trong việc xác định mục tiêu tương lai, dễ bị ảnh hưởng bởi mạng xã hội, có dấu hiệu thờ ơ, vô cảm hoặc thiếu trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. Điều này cho thấy sự thiếu hụt trong việc bồi dưỡng giá trị sống, kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp từ sớm.

Chiến lược:

- Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lý tưởng sống, trách nhiệm xã hội vào tất cả các môn học, các buổi trải nghiệm hướng nghiệp.
- Đưa văn hóa ứng xử, sự tử tế và tôn trọng trở thành chuẩn mực trong hành vi

hàng ngày; mỗi thầy cô là một tấm gương đạo đức, truyền cảm hứng sống đẹp cho học sinh.

- Phát triển các hoạt động trải nghiệm - kỹ năng - hướng nghiệp, thành lập và nâng cao hiệu quả các câu lạc bộ, các hoạt động tình nguyện và công tác xã hội.

2.5.6. Tăng cường hợp tác và liên kết với cộng đồng

Vấn đề: Quan hệ với các tổ chức bên ngoài còn hạn chế, chưa huy động được nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng, doanh nghiệp, cựu học sinh.

Chiến lược: Hợp tác với các trường đại học, tổ chức giáo dục, thiết lập quan hệ hợp tác để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao chất lượng giáo dục và tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận với môi trường học tập cao hơn. Hợp tác với doanh nghiệp địa phương để hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh tham quan, thực tập, định hướng nghề nghiệp; kêu gọi sự ủng hộ về tài chính, vật chất và tinh thần từ phụ huynh, cựu học sinh và cộng đồng địa phương.

2.5.7. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị nhà trường

Vấn đề: Quản trị trường học là vấn đề mới đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; việc kiểm soát, đo lường mức độ hiệu quả học tập của học sinh còn gặp nhiều khó khăn.

Chiến lược: Triển khai các phần mềm quản lý hành chính, quản lý học sinh, tài chính để nâng cao hiệu quả và minh bạch. Rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhà trường phù hợp với yêu cầu phát triển, phân công nhiệm vụ rõ ràng, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả công việc.

2.5.8. Truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường

Vấn đề: Hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu nhà trường còn hạn chế, chưa có chiến lược dài hạn, thiếu sự chuyên nghiệp và đồng bộ; các kênh truyền thông hiện đại chưa được khai thác hiệu quả; chưa phát huy tối đa vai trò của truyền thông trong thu hút nguồn lực, học sinh, giáo viên và xây dựng niềm tin với phụ huynh, cộng đồng; Cán bộ, giáo viên và học sinh chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của truyền thông và thương hiệu trong phát triển nhà trường.

Chiến lược:

- Xây dựng kế hoạch truyền thông và phát triển thương hiệu nhà trường bài bản, dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển.

- Đa dạng hóa các kênh truyền thông: website, mạng xã hội, báo chí, truyền thông nội bộ, các sự kiện, hoạt động cộng đồng...

- Tăng cường truyền thông về các thành tích, đổi mới, giá trị nổi bật của nhà trường, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, học sinh về vai trò của truyền thông và thương hiệu.

- Mở rộng hợp tác với các cơ quan truyền thông, doanh nghiệp, tổ chức xã hội để quảng bá hình ảnh nhà trường.

PHẦN 3. MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

3.1. Mục tiêu chiến lược

Dựa trên sứ mệnh, tầm nhìn, phân tích SWOT và các vấn đề chiến lược đã xác định, trường THPT Thanh Oai A đề ra các mục tiêu chiến lược cho giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035. Các mục tiêu này hướng tới xây dựng nhà trường phát triển toàn diện, lấy chất lượng giáo dục làm trọng tâm, hiện đại hóa cơ sở vật chất, xây dựng môi trường học tập hạnh phúc và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập. Trong đó, nhà trường đặt trọng tâm vào việc đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2030, xây dựng môi trường học tập hạnh phúc vào năm 2027 và hoàn thiện mô hình trường học thông minh vào năm 2035.

3.1.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển năng lực và phẩm chất học sinh

- Phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông mới, hướng tới đáp ứng các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2030.

- Đảm bảo học sinh có kiến thức vững chắc, kỹ năng mềm, kỹ năng số, định hướng nghề nghiệp tương lai, tạo nền tảng để xây dựng trường học hạnh phúc và trường học thông minh.

3.1.2. Hiện đại hóa cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin

- Đầu tư đồng bộ, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đảm bảo đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2030.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong dạy học, quản lý, xây dựng hệ sinh thái số toàn diện cho nhà trường.

3.1.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên chuyên nghiệp, sáng tạo

- Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm, kỹ năng số và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu của trường học trong giai đoạn sắp tới.

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức, tâm huyết, lan tỏa giá trị của trường học hạnh phúc.

- Chú trọng phát triển tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tăng tỷ lệ giáo viên, học sinh ưu tú được kết nạp Đảng.

3.1.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học

- Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giảng dạy.

- Xây dựng kho học liệu số và triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến.

3.1.5. Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu số hiện đại

- Xây dựng hệ thống học liệu số hiện đại, đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, chuyển đổi số trong dạy và học; tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên và học sinh tiếp cận, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn học liệu số mọi lúc, mọi nơi; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thúc đẩy tự học, sáng tạo và hội nhập quốc tế.

3.1.6. Phát triển các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa và kỹ năng sống cho học sinh

- Phát triển toàn diện cho học sinh về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức.

- Tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn và hạnh phúc.

3.1.7. Mở rộng hợp tác, liên kết và huy động các nguồn lực phát triển nhà trường

- Huy động nguồn lực từ cộng đồng, doanh nghiệp và cựu học sinh.

- Mở rộng hợp tác với các tổ chức giáo dục.

3.1.8. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường:

- Áp dụng các mô hình quản lý chất lượng tiên tiến.

- Đảm bảo hoạt động của nhà trường minh bạch, hiệu quả và bền vững.

3.1.9. Tăng cường công tác truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường

Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng và phát triển thương hiệu trường THPT Thanh Oai A ngày càng uy tín, chuyên nghiệp, tạo dựng niềm tin với xã hội, phụ huynh và học

sinh; góp phần thu hút nguồn lực, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh của nhà trường trong hệ thống giáo dục.

3.2. Các chỉ tiêu cụ thể

Để đạt được các mục tiêu chiến lược trên, nhà trường đề ra các chỉ tiêu cụ thể như sau:

3.2.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tiêu chí	Giai đoạn 2025 - 2027	Giai đoạn 2028 - 2030
Giáo viên dạy giỏi cấp trường/(năm học)	3 nhất, 3 nhì, 3 ba	3 nhất, 3 nhì, 3 ba
Giáo viên dạy giỏi cấp cụm/(năm học)	1 nhất, 1 nhì, 1 ba	1 nhất, 1 nhì, 1 ba
Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố/(năm học)	1 Nhất	1 Nhất
Tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên trên chuẩn đào tạo	18%	20%
Tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp	65% Tốt, 35% khá, 10% đạt	75% tốt, 25% khá
Đánh giá viên chức (CBGVNV/năm học)	HTXS (20%), HTT (80%)	HTXS (20%), HTT (80%)
Giáo viên hạng I		5 cán bộ giáo viên
Tỉ lệ giáo viên hạng II	35%	40%
Lao động tiên tiến	90 người	90 người
Lao động xuất sắc	18 người	18 người
Chiến sĩ thi đua cơ sở	18 người	18 người
Chiến sĩ thi đua thành phố	1 người	1 người
Bằng khen TP, Bộ GDĐT	1 người	1 người
Bằng khen của Chính phủ		1 người

3.2.2. Chất lượng giáo dục của học sinh

Giai đoạn	Kết quả học tập				Chỉ số BA	Kết quả rèn luyện				Chỉ số BA	Danh hiệu	
	Tốt	Khá	Đạt	CD		Tốt	Khá	Tb	Yếu		Giỏi	XS
	%	%	%	%		%	%	%	%		%	%
2025–2028	56	42	1,9	0,1	76	95	4,45	0,25	0,3	96,8	50%	7%
2028-2030	57	42	1	0	78	96	3,7	0,2	0,1	97,7	52%	10%
Tiêu chí				Giai đoạn 2025 - 2027				Giai đoạn 2028 - 2030				
Tỉ lệ học sinh lớp 12 đủ điều kiện dự thi lớp 11				100%				100%				
Tỉ lệ học sinh lớp 12 đỗ tốt nghiệp THPT				100%				100 %				
Tỉ lệ học sinh lớp 12 đỗ đại học				80%				85%				
Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng				99%				100%				
Tỉ lệ học sinh lên lớp sau rèn luyện hè				100%				100%				
Điểm trúng tuyển vào lớp 10 (tổng 3 môn)				16,0 điểm				17,0 điểm				
Học sinh giỏi cấp trường				15 giải nhất, 15 giải nhì, 30 giải ba				20 giải nhất, 20 giải nhì, 40 giải ba				
Học sinh giỏi cấp cụm mỗi năm học				8 giải nhất, 10 giải nhì, 18 giải ba				10 giải nhất, 12 giải nhì, 20 giải ba				
Học sinh giỏi cấp thành phố mỗi năm học				1 giải nhất, 2 giải nhì, 4 giải ba, 5 giải KK				2 giải nhất, 3 giải nhì, 4 giải ba, 5 giải KK				
Học sinh đạt giải thể dục thể thao cấp trường				10 HCV, 10 HCB, 10 HCD				10 HCV, 10 HCB, 10 HCD				
Học sinh đạt giải thể dục thể thao cấp cụm				5 HCV, 5 HCB, 5 HCD				7 HCV,7 HCB,7 HCD				

Học sinh đạt giải thể dục thể thao cấp thành phố	2 HCV, 2 HCB, 2 HCD	3 HCV, 3 HCB, 3 HCD
Học sinh có đề tài thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật cấp trường	1 nhất, 2 nhì, 3 ba	2 nhất, 4 nhì, 6 ba
Học sinh có đề tài thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật cấp cụm	1 nhì, 1 ba	1 nhất, 1 nhì
Học sinh thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật cấp thành phố	1 ba	1 nhì
Học sinh có dự khởi nghiệp cấp trường	1 nhất, 2 nhì, 3 ba	2 nhất, 4 nhì, 6 ba
Học sinh có dự khởi nghiệp cấp cụm	1 nhì, 1 ba	1 nhất, 1 nhì
Học sinh có dự khởi nghiệp cấp thành phố	1 ba	1 nhì
Liên hoan ca múa nhạc hợp xướng cấp trường	3 nhất, 3 nhì, 6 ba	3 nhất, 3 nhì, 6 ba
Liên hoan ca múa nhạc hợp xướng cấp cụm	Giải nhì	Giải nhất
Liên hoan ca múa nhạc hợp xướng cấp thành phố		Giải ba
Kĩ năng, năng khiếu	Mỗi học sinh chơi được một môn thể thao, một nhạc cụ âm nhạc	Mỗi học sinh chơi được một môn thể thao, một nhạc cụ âm nhạc
Tiếng anh là ngôn ngữ thứ 2	Mỗi tuần có 1 ngày học sinh sử dụng Tiếng anh là ngôn ngữ thứ 2	Mỗi tuần có 1 ngày học sinh sử dụng Tiếng anh là ngôn ngữ thứ 2
Năng lực số	50% học sinh đạt chuẩn đầu ra năng lực số đối với học sinh THPT	80% học sinh đạt chuẩn đầu ra năng lực số đối với học sinh THPT

3.2.3. Hiện đại hóa cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin

Đến năm 2030, xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng CNTT hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, giảng dạy và học tập:

a) Phòng học, phòng chức năng

TT	CSVC	2025 – 2028	2028 - 2030
1	Phòng học lý thuyết	37 phòng	45 phòng
2	Phòng học bộ môn	16 phòng	16 phòng
3	Trang bị Máy chiếu, Tivi internet, loa, mic	37 phòng	45 phòng
4	Trang bị điều hòa nhiệt độ	22 phòng	45 phòng
5	Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong nhà trường	Cơ bản	Thông minh

b) Khu vực chức năng, sinh hoạt và hỗ trợ học sinh

- Xây dựng, cải tạo thư viện đạt chuẩn, có không gian đọc, khu tự học, tra cứu tài liệu số.
- Xây dựng phòng đa năng, hội trường, sân khấu ngoài trời phục vụ các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao, trải nghiệm sáng tạo.
- Bố trí khu vực nghỉ ngơi, căn tin, nhà vệ sinh sạch sẽ, an toàn, đáp ứng đầy đủ cho học sinh và giáo viên.
- Đảm bảo khuôn viên trường xanh- sạch- đẹp, có đủ cây xanh, bồn hoa, ghế đá, khu vực thể dục thể thao (sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông...).

c) Bảo trì, bảo dưỡng và phát triển bền vững

- Xây dựng quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất định kỳ hàng quý, hàng năm.
- Có kế hoạch thay thế, bổ sung thiết bị hư hỏng, lạc hậu, đảm bảo trường luôn đạt chuẩn về cơ sở vật chất.
- Huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện đại.

3.2.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học

- 100% các hoạt động quản lý, điều hành của nhà trường đều ứng dụng phần mềm quản lý vào năm 2026.
- 100% giáo viên sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy hàng ngày vào năm 2025.
- Xây dựng kho học liệu số cho tất cả các môn học vào năm 2026, 100% giáo viên chủ động xây dựng, chia sẻ học liệu số trên hệ thống chung của nhà trường.
- Triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) và đi vào hoạt động năm 2026.

3.2.5. Phát triển các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa và giáo dục kỹ năng sống

- 100% học sinh tham gia ít nhất một hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp hoặc câu lạc bộ mỗi năm.
- Thành lập 8 câu lạc bộ học sinh hoạt động hiệu quả giai đoạn 2025 – 2028 và 10 câu lạc bộ vào giai đoạn 2028 - 2030
- Tổ chức tối thiểu 2 hoạt động ngoại khóa/khối/năm học.

3.2.6. Hợp tác, liên kết và huy động các nguồn lực phát triển nhà trường

- Ký kết hợp tác với ít nhất 3 tổ chức giáo dục, doanh nghiệp vào năm 2027.
- Tổ chức ít nhất 2 chương trình giao lưu, liên kết mỗi năm.
- Huy động tối thiểu 10% kinh phí đầu tư phát triển nguồn xã hội hóa mỗi năm.

3.2.7. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

- 100% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị hiện đại và chuyển đổi số.
- Xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo chuẩn nghề nghiệp và KPI cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Định kỳ tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của học sinh, phụ huynh về chất lượng giáo dục của nhà trường.

3.2.8. Tăng cường công tác truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường

- Xây dựng và vận hành hiệu quả website, fanpage, kênh truyền thông số của trường.

- Xây dựng đội ngũ truyền thông; định kỳ sản xuất video, bài viết giới thiệu trường và các gương điển hình.

- Duy trì các sự kiện truyền thống, hội thi, ngày hội, giải thưởng nhằm quảng bá thương hiệu nhà trường.

- Tổ chức họp mặt, giao lưu, phối hợp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, quảng bá tuyển sinh.

3.2.9. Tăng cường công tác xây dựng Chi bộ Đảng

- Tỷ lệ đảng viên trong đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt trên 60% vào năm 2030

- Mỗi năm kết nạp ít nhất 3 đảng viên mới là giáo viên nhân viên nhà trường, 4 đảng viên mới là học sinh.

3.3. Các giải pháp chiến lược

Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đã đề ra, nhà trường triển khai các giải pháp chiến lược sau:

3.3.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập

Mục tiêu: Nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Giải pháp:

a) Tổ chức tập huấn cho giáo viên về phương pháp dạy học tích cực

Thực hiện các khóa đào tạo chuyên sâu về các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, dạy học theo trạm, lớp học đảo ngược;

Mời chuyên gia giáo dục từ các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức giáo dục uy tín để hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm;

Xây dựng cộng đồng học tập trong nội bộ nhà trường, nơi giáo viên có thể trao đổi, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy

Trang bị thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu, bảng tương tác, máy tính cho giáo viên và học sinh;

Sử dụng các phần mềm, ứng dụng giáo dục như Microsoft Teams, Zoom,

Kahoot, Quizizz... để tăng cường tương tác trong lớp học;

Phát triển bài giảng điện tử, video bài giảng, tài liệu số để hỗ trợ học sinh tự học và ôn tập.

c) Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Áp dụng các hình thức đánh giá mới như đánh giá quá trình, đánh giá theo dự án, đánh giá năng lực thực tiễn.

Sử dụng các công cụ đánh giá trực tuyến, tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá và phản hồi lẫn nhau.

d) Khuyến khích học sinh tham gia tích cực vào quá trình học tập

Thiết kế các hoạt động học tập hấp dẫn, gắn với thực tiễn, tạo động lực cho học sinh.

Tạo môi trường học tập thân thiện, nơi học sinh cảm thấy an toàn để chia sẻ ý kiến và sáng tạo.

Ghi nhận và khen thưởng học sinh có sáng kiến, thành tích nổi bật trong học tập và nghiên cứu

Chỉ tiêu: 100% lớp học có triển khai hoạt động học tập trải nghiệm thực tiễn; tối thiểu 20% học sinh được khen thưởng vì chủ động, sáng tạo mỗi năm.

e) Đồng hành, hỗ trợ cùng giáo viên và học sinh trong quá trình đổi mới

Thành lập tổ chuyên môn, tổ hỗ trợ để tư vấn giải pháp cho giáo viên gặp khó khăn khi áp dụng phương pháp mới.

Tổ chức khảo sát định kỳ lấy ý kiến giáo viên, học sinh về hiệu quả đổi mới để điều chỉnh cho phù hợp.

3.3.2. Đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin

Mục tiêu: Hiện đại hóa cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu của trường chuẩn quốc gia mức độ 2, trường học thông minh và trường hạnh phúc.

Giải pháp:

a) Lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, đồng bộ

Khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hiện có; xác định nhu cầu đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng, khu vực sinh hoạt chung, khu thể chất.

Ưu tiên xây dựng các phòng học thông minh, phòng thí nghiệm, phòng ngoại ngữ, phòng tin học đạt chuẩn quốc gia.

b) Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Trang bị hệ thống mạng Internet tốc độ cao, phủ sóng Wi-Fi toàn trường.

Đầu tư máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, thiết bị hỗ trợ dạy học số cho tất cả các phòng học, phòng chức năng.

Cài đặt, duy trì phần mềm quản lý giáo dục, hệ thống lưu trữ dữ liệu, kho học liệu số.

Chỉ tiêu: 100% phòng học, phòng chức năng có kết nối Internet và thiết bị CNTT cơ bản; 90% giáo viên, học sinh được sử dụng thiết bị CNTT trong dạy và học; hệ thống phần mềm quản lý vận hành ổn định, an toàn.

c) Bảo trì, bảo dưỡng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ

Xây dựng quy trình bảo trì, kiểm tra định kỳ, sửa chữa kịp thời các thiết bị, cơ sở vật chất.

Tổ chức tập huấn cho giáo viên, nhân viên và học sinh về sử dụng, bảo quản thiết bị đúng cách.

Phát động phong trào giữ gìn, tiết kiệm, sử dụng hiệu quả tài sản chung trong toàn trường.

Chỉ tiêu: 100% thiết bị được kiểm tra, bảo trì tối thiểu 02 lần/năm; tỷ lệ hỏng hóc, mất mát giảm dưới 2%/năm.

d) Huy động nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư cơ sở vật chất và CNTT

Đẩy mạnh công tác vận động, kêu gọi tài trợ từ phụ huynh, doanh nghiệp, cựu học sinh và các tổ chức xã hội để bổ sung nguồn lực đầu tư.

Công khai minh bạch các khoản đóng góp, tài trợ; sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

3.3.3. Phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mục tiêu: Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Giải pháp:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân sự:

Xác định nhu cầu đào tạo của từng cá nhân, lập kế hoạch bồi dưỡng phù



hợp.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên về chuyên môn, phương pháp giảng dạy hiện đại, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Khuyến khích giáo viên tự học, tham gia các khóa học trực tuyến, hội thảo chuyên đề.

Xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng cho từng giáo viên, gắn với đánh giá cuối năm.

b) Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ quản lý

Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng quản lý, lãnh đạo, xây dựng văn hóa tổ chức, đổi mới quản trị trường học.

Khuyến khích cán bộ quản lý tham gia các chương trình bồi dưỡng, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm với các trường tiên tiến.

c) Khuyến khích đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và chia sẻ kinh nghiệm

Tổ chức các hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên sáng tạo, hội thảo chuyên đề, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm.

Hỗ trợ, động viên giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm, áp dụng vào thực tiễn giảng dạy.

Chỉ tiêu: 100% tổ chuyên môn có ít nhất 03 sáng kiến/năm ; 30% giáo viên tham gia hội thi, hội thảo chuyên đề.

d) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và xây dựng môi trường làm việc tích cực

Có chính sách khen thưởng, động viên kịp thời đối với giáo viên, nhân viên có thành tích xuất sắc.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giao lưu nhằm tăng cường đoàn kết, gắn bó trong đội ngũ.

Quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ giáo viên, nhân viên gặp khó khăn trong công tác và cuộc sống.

Chỉ tiêu: 100% giáo viên, nhân viên được tham gia các hoạt động tập thể; 100% trường hợp khó khăn được hỗ trợ kịp thời.

3.3.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy

Mục tiêu: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các hoạt

động quản lý, dạy và học, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong nhà trường.

Giải pháp:

a) Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý

Triển khai phần mềm quản lý nhà trường: quản lý học sinh, giáo viên, tài sản, tài chính, thư viện, văn bản, hồ sơ điện tử...

Áp dụng chữ ký số, lưu trữ văn bản điện tử, giảm thiểu giấy tờ hành chính.

Thực hiện công khai, minh bạch các thông tin hoạt động nhà trường trên website, cổng thông tin điện tử.

Chỉ tiêu: 100% hoạt động quản lý được số hóa; 100% cán bộ, giáo viên sử dụng thành thạo phần mềm quản lý; giảm ít nhất 70% văn bản giấy tờ so với trước.

b) Đổi mới phương pháp dạy học thông qua ứng dụng CNTT

Sử dụng các phần mềm, nền tảng dạy học trực tuyến (Zoom, Google Meet, Microsoft Teams...), bài giảng điện tử, học liệu số trong quá trình giảng dạy.

Khuyến khích giáo viên xây dựng và chia sẻ bài giảng số, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi trực tuyến.

Tích hợp các công cụ đánh giá, kiểm tra trực tuyến (Kahoot, Quizizz, Google Forms...) để đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá.

Chỉ tiêu: 100% giáo viên sử dụng CNTT trong dạy học; mỗi học kỳ tạo mới tối thiểu 20 bài giảng số.

c) Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các phần mềm quản lý, dạy học trực tuyến, bảo mật thông tin số cho cán bộ, giáo viên, học sinh.

Khuyến khích tự học, tự nghiên cứu, cập nhật các xu hướng công nghệ mới trong giáo dục.

Chỉ tiêu: 100% cán bộ, giáo viên, học sinh được tập huấn kỹ năng CNTT ít nhất 01 lần/năm.

d) Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trong ứng dụng CNTT

Xây dựng quy chế sử dụng, bảo mật dữ liệu, phòng chống các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng trong trường học.

Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

Chỉ tiêu: 100% cán bộ, giáo viên, học sinh ký cam kết thực hiện quy chế an toàn thông tin; không xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng trong năm học.

3.3.5. Phát triển hoạt động ngoại khóa và giáo dục kỹ năng sống

Mục tiêu: tăng cường các hoạt động ngoại khóa và giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện cho học sinh về trí tuệ, thể chất, tinh thần, đạo đức và kỹ năng xã hội

Giải pháp:

a) Tổ chức đa dạng các hoạt động ngoại khóa

Xây dựng kế hoạch tổ chức các câu lạc bộ (CLB) theo sở thích như CLB tiếng Anh, CLB khoa học, CLB thể thao, CLB nghệ thuật, CLB STEM,...

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan, dã ngoại, trải nghiệm thực tế.

Chỉ tiêu: 100% học sinh tham gia ít nhất 01 hoạt động ngoại khóa/năm học; tổ chức tối thiểu 02 hoạt động ngoại khóa quy mô toàn trường/năm.

b) Tăng cường giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống cho học sinh

Lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào các môn học, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tập huấn về kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tự bảo vệ bản thân, phòng chống bạo lực học đường, kỹ năng sử dụng mạng internet an toàn,...

Chỉ tiêu: 100% học sinh được tham gia ít nhất 01 chuyên đề kỹ năng sống/năm học.

c) Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong tổ chức hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống

Đẩy mạnh sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, thiện nguyện, bảo vệ môi trường,...

Mời chuyên gia, cựu học sinh, phụ huynh tham gia chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn kỹ năng thực tế cho học sinh.

Chỉ tiêu: Tối thiểu 01 hoạt động phối hợp với gia đình, cộng đồng/năm học; 100% lớp có phụ huynh tham gia hỗ trợ hoạt động ngoại khóa.

d) Đánh giá, công nhận và khen thưởng các kết quả hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống

Xây dựng tiêu chí đánh giá, công nhận kết quả tham gia ngoại khóa, kỹ năng sống; đưa vào tiêu chí thi đua, đánh giá rèn luyện của học sinh.

Tổ chức khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động ngoại khóa, rèn luyện kỹ năng sống.

Chỉ tiêu: 100% học sinh được đánh giá kết quả tham gia ngoại khóa, kỹ năng sống; tổ chức ít nhất 01 đợt khen thưởng/năm học.

3.3.6. Tăng cường hợp tác và liên kết

Mục tiêu: Huy động nguồn lực từ cộng đồng, doanh nghiệp và cựu học sinh; mở rộng hợp tác với các tổ chức giáo dục khác.

Giải pháp:

a) Thiết lập và duy trì các mối quan hệ hợp tác với các trường, cơ sở giáo dục

Hợp tác với các trường học, trung tâm giáo dục, cơ sở đào tạo trong và ngoài địa phương.

Tổ chức các hoạt động giao lưu học sinh, giáo viên, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, giảng dạy.

b) Hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức xã hội để hỗ trợ giáo dục và hướng nghiệp

Kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội để tổ chức các chương trình thực tập, tham quan, trải nghiệm thực tế, hoạt động hướng nghiệp cho học sinh.

Huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, học bổng cho học sinh.

Chỉ tiêu: Tổ chức ít nhất 01 hoạt động hướng nghiệp, tham quan thực tế/năm học; vận động tối thiểu 01 nguồn tài trợ xã hội hóa/năm học.

c) Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh và cộng đồng trong các hoạt động giáo dục

Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm lo, giáo dục và bảo vệ học sinh.

Tổ chức hội nghị phụ huynh, diễn đàn trao đổi, lấy ý kiến đóng góp xây



dựng nhà trường.

Chỉ tiêu: 100% lớp tổ chức hội nghị phụ huynh đầu năm; ít nhất 02 hoạt động phối hợp/năm học.

3.3.7. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

Mục tiêu: Tăng cường hiệu quả công tác quản trị nhà trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, minh bạch, chuyên nghiệp; phát huy tối đa nguồn lực, nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển bền vững.

Giải pháp:

a) Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản trị nội bộ

Xây dựng, rà soát, bổ sung và cập nhật đầy đủ các quy chế, quy định liên quan đến tổ chức, quản lý, hoạt động chuyên môn, tài chính, nhân sự và các lĩnh vực khác.

Công khai minh bạch các quy trình, quy định để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nắm rõ, thực hiện thống nhất.

Chỉ tiêu: 100% quy chế, quy định được cập nhật, công khai đầu mỗi năm học; 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được phổ biến, quán triệt.

b) Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực lãnh đạo

Tăng cường phân cấp, phân quyền, giao trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận, cá nhân.

Đẩy mạnh quản lý theo hướng kết quả, lấy chất lượng, hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Chỉ tiêu : 100% cán bộ quản lý được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ/năm; 100% bộ phận có mô tả chức năng, nhiệm vụ rõ ràng.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường

Triển khai các phần mềm quản lý tổng thể: quản lý nhân sự, tài chính, học sinh, thiết bị, văn bản điện tử...

Số hóa các quy trình quản lý, tăng cường sử dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử, giảm thiểu thủ tục hành chính giấy tờ.

Chỉ tiêu: 100% công việc quản trị thực hiện qua phần mềm quản lý; 80%

hồ sơ, văn bản được số hóa.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá và cải tiến chất lượng

Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ, kịp thời phát hiện, khắc phục các hạn chế trong quản trị.

Lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh về hoạt động quản trị nhà trường để điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

Chỉ tiêu: Tổ chức ít nhất 02 đợt kiểm tra, lấy ý kiến phản hồi/năm học; 100% ý kiến góp ý được xem xét, xử lý kịp thời.

e) Xây dựng văn hóa nhà trường chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo

Phát động các phong trào thi đua xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hợp tác, sáng tạo trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Đề cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ quản trị và chuyên môn.

Chỉ tiêu: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đăng ký thi đua; tổ chức ít nhất 01 đợt tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu/năm học.

3.3.8. Giáo dục hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

Mục tiêu: Xây dựng môi trường giáo dục góp phần phát triển bền vững, nâng cao nhận thức và năng lực hội nhập quốc tế cho học sinh, giáo viên; trang bị các giá trị, kỹ năng và kiến thức cần thiết để thích ứng với xu thế toàn cầu hóa và phát triển bền vững của xã hội hiện đại.

Giải pháp:

a) Lồng ghép giáo dục phát triển bền vững vào chương trình học

Tích hợp các nội dung về bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, phát triển kinh tế xanh, bình đẳng giới, sức khỏe cộng đồng... vào các môn học và hoạt động giáo dục.

Tổ chức các buổi ngoại khóa, chuyên đề, cuộc thi về chủ đề phát triển bền vững.

Chỉ tiêu: 100% lớp có hoạt động lồng ghép nội dung phát triển bền vững/năm học; tổ chức ít nhất 01 hoạt động ngoại khóa về chủ đề này/năm.

b) Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và kỹ năng toàn cầu cho học sinh, giáo viên

Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, thông qua các

chương trình chuẩn quốc tế, câu lạc bộ ngoại ngữ, giao lưu với người nước ngoài.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, kỹ năng công nghệ số, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.

Chỉ tiêu : 100% học sinh, giáo viên tham gia các hoạt động phát triển năng lực ngoại ngữ và kỹ năng toàn cầu/năm học.

c) Phát động các phong trào, dự án hướng tới cộng đồng và phát triển bền vững

Khuyến khích học sinh, giáo viên tham gia các dự án bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tái chế, bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng khó khăn...

Phối hợp với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cơ quan truyền thông để lan tỏa các giá trị phát triển bền vững

Chỉ tiêu : Tổ chức ít nhất 01 dự án/hoạt động cộng đồng về phát triển bền vững/năm học; 100% lớp tham gia phong trào bảo vệ môi trường.

3.3.9. Truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường

Mục tiêu: Tăng cường công tác truyền thông, xây dựng và phát triển thương hiệu nhà trường vững mạnh, uy tín; tạo dựng hình ảnh tích cực trong cộng đồng, thu hút sự quan tâm, hợp tác của phụ huynh, học sinh và các đối tác xã hội; góp phần nâng cao vị thế, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của nhà trường.

Giải pháp:

a) Xây dựng chiến lược truyền thông tổng thể

Xây dựng kế hoạch truyền thông dài hạn và ngắn hạn phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường.

Xác định rõ thông điệp, giá trị cốt lõi, hình ảnh đặc trưng của nhà trường để lan tỏa rộng rãi tới các đối tượng mục tiêu.

Chỉ tiêu: 100% hoạt động truyền thông có kế hoạch cụ thể; thông điệp, giá trị cốt lõi được cập nhật, phổ biến tới toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh.

b) Đa dạng hóa các kênh truyền thông

Phát triển, duy trì hiệu quả các kênh truyền thông chính thống như website, fanpage, bản tin nội bộ, cổng thông tin điện tử, bảng tin trường...

Đẩy mạnh truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube...), phối hợp với báo chí, truyền hình, các cơ quan truyền thông đại

chúng để quảng bá hình ảnh nhà trường.

Chỉ tiêu: 100% thông tin, sự kiện lớn được đăng tải trên ít nhất 02 kênh truyền thông; lượt tiếp cận, tương tác tăng tối thiểu 20%/năm.

c) Tổ chức các sự kiện, hoạt động quảng bá hình ảnh nhà trường

Chủ động tổ chức các ngày hội, lễ kỷ niệm, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi, giao lưu văn hóa, thể thao... để tạo dấu ấn, lan tỏa giá trị thương hiệu nhà trường.

Tham gia các chương trình, sự kiện của ngành, địa phương, để nâng cao uy tín và mở rộng mối quan hệ hợp tác.

Chỉ tiêu: Tổ chức ít nhất 02 sự kiện lớn quảng bá thương hiệu/năm học; tham gia tối thiểu 02 sự kiện bên ngoài/năm.

d) Xây dựng đội ngũ truyền thông chuyên nghiệp

Thành lập hoặc kiện toàn tổ truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông cho cán bộ, giáo viên phụ trách.

Khuyến khích học sinh tham gia các câu lạc bộ truyền thông, phát triển kỹ năng sáng tạo nội dung, quay phim, chụp ảnh, viết bài...

Chỉ tiêu: 100% cán bộ truyền thông được tập huấn/năm; duy trì hoạt động hiệu quả của câu lạc bộ truyền thông học sinh.

e) Tăng cường mối quan hệ với phụ huynh, cựu học sinh, các đối tác xã hội

Xây dựng mạng lưới liên lạc, phối hợp chặt chẽ với phụ huynh, cựu học sinh, các tổ chức, doanh nghiệp nhằm lan tỏa hình ảnh, giá trị nhà trường.

Tổ chức các chương trình tri ân, gặp mặt, hội thảo kết nối cộng đồng, khuyến khích sự tham gia, đóng góp ý kiến xây dựng thương hiệu nhà trường.

Chỉ tiêu: Tối thiểu 02 chương trình kết nối phụ huynh, cựu học sinh/năm học; khảo sát sự hài lòng của phụ huynh, học sinh đạt trên 90%.

3.3.10 Tăng cường xây dựng tổ chức Đảng và công tác phát triển Đảng viên

Xây dựng chi bộ Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện trong nhà trường.

Đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt chi bộ, gắn với nhiệm vụ chính trị và chuyên môn của nhà trường.

Đẩy mạnh phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu quần chúng ưu tú là giáo viên,

học sinh để kết nạp Đảng.

Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Công đoàn trong công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, xây dựng nguồn phát triển Đảng.

Chỉ tiêu: mỗi năm kết nạp ít nhất 3 Đảng viên mới là giáo viên, 4 Đảng viên mới là học sinh; giữ vững danh hiệu Chi bộ trong sạch, vững mạnh.

PHẦN 4. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC

Dựa trên các mục tiêu và giải pháp chiến lược đã đề ra, trường THPT Thanh Oai A xây dựng các chương trình hành động cụ thể để triển khai trong giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035. Các chương trình hành động này nhằm hiện thực hóa các mục tiêu, nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển bền vững nhà trường.

4.1 Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả quản trị

Mục tiêu:

Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển bền vững của nhà trường.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận, đảm bảo vận hành minh bạch, chuyên nghiệp.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, hướng tới chuyển đổi số toàn diện.

Nội dung và giải pháp hành động:

a) Rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức

- Quy mô trường lớp:

Giai đoạn 2025 – 2028 có 45 lớp.

Giai đoạn 2028 – 2030 có 45 lớp.

- Mô hình lớp học định hướng nghề nghiệp và phát triển năng lực phẩm chất học sinh:

Giai đoạn 2024-2025: 2 khối.

Giai đoạn 2025-2028: 3 khối.

Giai đoạn 2028-2030: 3 khối.

- Các tổ chức chính trị xã hội:

Giai đoạn 2025-2028: 2 tổ chức (Đảng bộ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh)

Giai đoạn 2028-2030: 2 tổ chức (Đảng bộ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh)

- Các tổ chuyên môn: Duy trì 5 tổ chuyên môn gồm tổ Toán-GDQP&AN, tổ Văn-Sử-MT-AM, tổ NN-TH-KTPL-TB-TV, tổ Lý-Sinh-CN, tổ Hóa-Địa-GDTC.

- Các bộ phận chức năng: gồm 5 bộ phận gồm truyền thông, quản sinh, tư vấn tâm lý học sinh, phòng cháy chữa cháy cơ sở, quản lý cơ sở vật chất.

b) Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị

Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng quản trị hiện đại, kỹ năng lãnh đạo cho cán bộ quản lý các cấp.

Xây dựng quy chế làm việc, quy trình phối hợp giữa các bộ phận; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc.

Thực hiện luân chuyển, bố trí cán bộ hợp lý nhằm phát huy năng lực, tạo động lực đổi mới, sáng tạo.

c) Đổi mới phương thức quản trị, tăng cường ứng dụng công nghệ

Triển khai phần mềm quản lý nhà trường (quản lý học sinh, giáo viên, tài sản, văn bản, lịch làm việc...).

Phát triển hệ thống báo cáo, thống kê, lưu trữ số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành minh bạch, hiệu quả.

Xây dựng kênh thông tin nội bộ (website, email, nhóm chat, bảng tin điện tử...) để nâng cao hiệu quả truyền thông, phối hợp công việc.

d) Phát triển văn hóa tổ chức, tạo môi trường làm việc tích cực

Xây dựng bộ quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trong tập thể sư phạm.

Tổ chức các hoạt động giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

4.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách

Mục tiêu: Xây dựng hệ thống thể chế, chính sách minh bạch, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu đổi mới và phát triển của nhà trường. Thu hút, phát triển và giữ chân đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có năng lực, tâm huyết, đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện đại.

Nội dung và giải pháp hành động:

a) Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy chế, quy định nội bộ

Rà soát, cập nhật và ban hành mới các quy chế, quy định về tổ chức, quản lý, chuyên môn, tài chính, thi đua khen thưởng, kỷ luật... phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế nhà trường.

Xây dựng các quy trình làm việc chuẩn hóa cho từng bộ phận, đảm bảo rõ ràng, minh bạch, tăng hiệu quả phối hợp và tránh chồng chéo nhiệm vụ.

Định kỳ tổ chức phổ biến, tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản, quy chế mới cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

b) Xây dựng và thực hiện chính sách thu hút, sử dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực

Xây dựng chính sách tuyển dụng minh bạch, công bằng, ưu tiên thu hút giáo viên giỏi, cán bộ quản lý có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt.

Thực hiện chính sách đãi ngộ hợp lý, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc; quan tâm hỗ trợ đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Đẩy mạnh công tác thi đua, tạo động lực phấn đấu, sáng tạo và gắn bó lâu dài với nhà trường.

c) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, các chương trình trao đổi, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước.

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, dân chủ, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên phát huy năng lực, sáng tạo, chủ động đóng góp ý kiến xây dựng nhà trường.

d) Kiểm tra, đánh giá và phát triển đội ngũ theo hướng chuyên nghiệp

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên dựa trên năng lực, kết quả công việc và tinh thần trách nhiệm.

Thực hiện đánh giá định kỳ, công khai, minh bạch; gắn kết quả đánh giá với công tác khen thưởng, đào tạo, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ.

Phát hiện, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn, tạo nguồn lực kế cận

cho các vị trí chủ chốt.

4.3. Phát triển nguồn lực

Mục tiêu:

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, nhân lực để phục vụ cho sự phát triển của nhà trường.

- Đảm bảo nguồn lực ổn định và bền vững, đáp ứng yêu cầu đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hoạt động giáo dục.

Nội dung và giải pháp hành động:

a) Huy động và đa dạng hóa các nguồn lực tài chính

Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường.

Khai thác tối đa nguồn ngân sách nhà nước cấp cho giáo dục; sử dụng hiệu quả, đúng mục đích các khoản tài trợ, hỗ trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp, cựu học sinh, phụ huynh và cộng đồng.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục ; kêu gọi sự đóng góp tự nguyện từ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp cho các dự án phát triển trường học, học bổng, trang thiết bị dạy học.

Khuyến khích các hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo, tổ chức sự kiện, dịch vụ để tạo thêm nguồn thu hợp pháp cho nhà trường.

b) Sử dụng, quản lý nguồn lực tài chính minh bạch, hiệu quả

Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài chính công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn lực tài chính, đảm bảo chi tiêu hợp lý, tiết kiệm, ưu tiên cho các hoạt động trọng tâm như nâng cao chất lượng dạy học, phát triển đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, lập báo cáo tài chính rõ ràng, định kỳ công khai trước tập thể cán bộ, giáo viên, phụ huynh.

c) Phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị

Lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, mở rộng các hạng mục công trình: phòng học, phòng chức năng, thư viện, phòng thí nghiệm, sân chơi, khu thể thao, nhà vệ sinh...

Đầu tư trang thiết bị dạy học hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới

chương trình giáo dục và chuyển đổi số trong nhà trường.

Xây dựng môi trường học tập an toàn, xanh – sạch – đẹp, thân thiện, đảm bảo các tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm.

Khuyến khích giáo viên, học sinh tham gia bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị cơ sở vật chất của nhà trường.

4.4. Phát triển chương trình giáo dục và học liệu

Mục tiêu:

Đổi mới toàn diện chương trình giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và xu thế hội nhập quốc tế.

Đa dạng hóa, hiện đại hóa phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

Xây dựng, phát triển hệ thống học liệu số, học liệu mở, hỗ trợ hiệu quả cho công tác dạy và học.

Nâng cao trình độ ngoại ngữ của học sinh, đảm bảo học sinh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung tham chiếu châu Âu (CEFR) hoặc tương đương, tạo nền tảng hội nhập quốc tế.

Nội dung và giải pháp hành động :

a) Đổi mới, cập nhật chương trình giáo dục

Tổ chức rà soát, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với định hướng phát triển, đặc thù địa phương và năng lực học sinh.

Triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới, đặc biệt chú trọng các môn học tích hợp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp.

Đẩy mạnh lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng mềm, giáo dục môi trường, công dân toàn cầu vào chương trình học.

b) Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Tăng cường ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học dự án, dạy học theo trạm, dạy học hợp tác, dạy học phân hóa, cá thể hóa, dạy học gắn với thực tiễn.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học:

sử dụng bài giảng điện tử, phần mềm mô phỏng, lớp học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập (LMS).

Khuyến khích giáo viên đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực, vận dụng linh hoạt các hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá qua sản phẩm, dự án học tập.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tế, câu lạc bộ học thuật, nghiên cứu khoa học cho học sinh.

c) Phát triển hệ thống học liệu đa dạng, hiện đại

Xây dựng thư viện số, kho học liệu điện tử (bài giảng, video, tài liệu tham khảo, đề thi, ngân hàng câu hỏi...) đáp ứng nhu cầu tự học, học tập mọi lúc, mọi nơi của giáo viên và học sinh.

Khuyến khích giáo viên tự xây dựng, chia sẻ học liệu mở, sáng tạo các bài giảng, tài nguyên số phù hợp với đặc thù bộ môn và đối tượng học sinh.

Hợp tác với các trường, tổ chức giáo dục, doanh nghiệp công nghệ để cập nhật, bổ sung nguồn học liệu chất lượng cao.

d) Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho học sinh

Xây dựng chương trình giảng dạy ngoại ngữ theo hướng tích hợp, phù hợp với năng lực và nhu cầu của học sinh, chú trọng phát triển kỹ năng giao tiếp thực tế.

Tăng cường thời lượng học ngoại ngữ, đặc biệt là các tiết học tăng cường giao tiếp, học theo dự án và các hoạt động trải nghiệm.

Sử dụng các phần mềm, ứng dụng học ngoại ngữ hiện đại như Duolingo, Quizlet, hoặc các nền tảng học trực tuyến (Zoom, Google Meet, LMS).

Thành lập các câu lạc bộ Tiếng anh để học sinh có cơ hội thực hành giao tiếp.

Tổ chức các cuộc thi hùng biện, viết luận, kể chuyện hoặc diễn kịch bằng ngoại ngữ; xây dựng "Ngày hội ngoại ngữ" hàng năm với các hoạt động sáng tạo.

4.5. Tăng cường công tác truyền thông, xây dựng thương hiệu nhà trường

Mục tiêu:

Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh, vị thế của nhà trường trong cộng đồng.

Xây dựng và phát triển thương hiệu trường THPT Tô Hiệu uy tín, chất lượng, tạo niềm tin cho học sinh, phụ huynh và xã hội.

Đẩy mạnh hợp tác, mở rộng giao lưu, học hỏi nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập toàn cầu.

Nội dung và giải pháp hành động :

a) Tăng cường công tác truyền thông nội bộ và đối ngoại

Xây dựng kế hoạch truyền thông tổng thể, xác định rõ thông điệp, đối tượng, kênh truyền thông phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của nhà trường.

Phát huy hiệu quả các kênh truyền thông: website, fanpage, bản tin nội bộ, email, bảng tin điện tử, các phương tiện truyền thông đại chúng.

Chủ động cập nhật, chia sẻ thông tin về các hoạt động nổi bật, thành tích, sự kiện, gương điển hình của nhà trường trên các phương tiện truyền thông.

Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông cho cán bộ, giáo viên, học sinh; xây dựng đội ngũ cộng tác viên truyền thông tích cực.

b) Xây dựng và phát triển thương hiệu nhà trường

Xác định rõ giá trị cốt lõi, tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý giáo dục của nhà trường để làm nền tảng xây dựng thương hiệu.

Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu đồng bộ (logo, slogan, màu sắc, đồng phục, tài liệu truyền thông...).

Đẩy mạnh các hoạt động gắn kết cộng đồng: tổ chức sự kiện, hội thảo, ngày hội truyền thống, hoạt động thiện nguyện, giao lưu với cựu học sinh, doanh nghiệp, địa phương.

Tăng cường khảo sát, lắng nghe ý kiến phản hồi của học sinh, phụ huynh, cộng đồng để liên tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

PHẦN 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

5.1. Tổ chức thực hiện

5.1.1. Thành lập Ban chỉ đạo và Ban quản lý kế hoạch chiến lược

a) Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược

Trưởng ban: Hiệu trưởng.

Phó ban: Phó Hiệu trưởng.

Thành viên: Tổ trưởng chuyên môn, tổ phó chuyên môn, nhóm trưởng, đại diện ban Cha mẹ học sinh.

Nhiệm vụ : Chỉ đạo, giám sát toàn bộ quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Đưa ra các quyết định quan trọng, điều chỉnh kịp thời khi cần thiết. Huy động nguồn lực và hỗ trợ các bộ phận trong quá trình thực hiện.

b) Ban quản lý kế hoạch chiến lược

Trưởng ban: Phó Hiệu trưởng.

Thành viên: Tổ trưởng chuyên môn, tổ phó chuyên môn, nhóm trưởng.

Nhiệm vụ: Lập kế hoạch chi tiết cho từng năm học, từng giai đoạn; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận và cá nhân; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hoạt động theo kế hoạch.

5.1.2. Vai trò của Chi bộ Đảng trong tổ chức thực hiện

Chi bộ Đảng nhà trường lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường; đảm bảo sự thống nhất giữa nhiệm vụ chuyên môn và công tác xây dựng Đảng.

Xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

Chủ động phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu giáo viên, học sinh ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp; phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, giáo viên, học sinh.

5.1.3. Phân công nhiệm vụ cho các phòng ban, tổ chức

- Đảng ủy: Lãnh đạo, định hướng về chính trị, tư tưởng; chỉ đạo công tác phát triển Đảng viên; phối hợp với Ban giám hiệu và các đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Ban giám hiệu: Chỉ đạo chung, chịu trách nhiệm cuối cùng về kết quả thực hiện kế hoạch; phê duyệt các kế hoạch hành động, phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện.

- Tổ nhóm chuyên môn: Triển khai các giải pháp về đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng chương trình, phát triển học liệu, tổ chức các hoạt động bồi dưỡng học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tổ văn phòng, kế toán: Đảm bảo công tác hành chính, tài chính, hậu cần phục vụ kế hoạch; quản lý hồ sơ, số liệu, báo cáo; hỗ trợ tổ chức các hoạt động chung.

- Các tổ chức đoàn thể: Phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, vận động cán bộ, giáo viên tích cực tham gia thực hiện kế hoạch.

- Ban Đại diện cha mẹ học sinh: Tham gia đóng góp ý kiến, phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh, tăng cường sự gắn kết giữa nhà trường và gia đình.

5.1.4. Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết

Trên cơ sở mục tiêu, giải pháp chiến lược, các bộ phận xây dựng kế hoạch hành động cụ thể theo từng năm học, từng giai đoạn.

Kế hoạch hành động xác định rõ: mục tiêu ngắn hạn, nhiệm vụ cụ thể, người phụ trách, thời gian thực hiện, nguồn lực cần thiết, chỉ số đánh giá kết quả.

Các kế hoạch hành động được Ban Quản lý tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

Định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh kế hoạch hành động để phù hợp với tình hình thực tế và tiến độ thực hiện.

5.1.5. Đảm bảo nguồn lực và nâng cao năng lực thực hiện kế hoạch

Xây dựng và triển khai kế hoạch huy động, phân bổ nguồn lực hợp lý (nhân lực, tài chính, vật chất), đảm bảo đủ điều kiện thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch chiến lược.

Ưu tiên bố trí nhân sự có năng lực phù hợp cho các vị trí then chốt; chủ động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng quản lý cho đội ngũ tham gia thực hiện kế hoạch.

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về kỹ năng lập kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá; khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm về quản trị giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin.

Xây dựng cơ chế động viên, khuyến khích học tập, tự bồi dưỡng, phát triển năng lực cá nhân; tạo động lực nâng cao chất lượng thực hiện kế hoạch chiến lược.

Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính, tìm kiếm nguồn lực xã hội hóa, vận động tài trợ để bổ sung cho các hoạt động phát triển nhà trường; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, phục vụ mục tiêu đổi mới giáo dục và phát triển toàn diện học sinh.

5.2. Hệ thống chỉ số thực hiện

5.2.1. Sử dụng chỉ số đo lường (chỉ số BA...)

- Chất lượng giáo dục: Tỷ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT; số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi; học sinh tham gia nghiên cứu khoa học; tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng.

- Phát triển đội ngũ: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ; số lượng giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi; tỷ lệ giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

- Cơ sở vật chất và công nghệ thông tin: Mức độ đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất; số lượng phòng học, phòng chức năng được trang bị hiện đại; tỷ lệ ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý.

- Hoạt động ngoại khóa và kỹ năng sống: Số lượng câu lạc bộ học sinh hoạt động hiệu quả; tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa; số lượng chương trình giáo dục kỹ năng sống được tổ chức.

5.2.2. Thiết lập quy trình thu thập, lưu trữ và quản lý dữ liệu

- Xây dựng quy trình thu thập dữ liệu: giao trách nhiệm cho các bộ phận thu thập và báo cáo số liệu, sử dụng các công cụ công nghệ để lưu trữ và quản lý dữ liệu.

- Định kỳ báo cáo: hàng tháng, quý, năm các bộ phận gửi báo cáo về Ban Quản lý Kế hoạch, tổng hợp và phân tích dữ liệu để đánh giá kết quả thực hiện.

- Công khai thông tin: chia sẻ kết quả thực hiện kế hoạch với toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh. Đăng tải thông tin trên website, bảng tin của nhà trường.

5.3. Tổ chức giám sát và đánh giá việc thực hiện

5.3.1. Thiết lập cơ chế giám sát

- Ban Chỉ đạo Kế hoạch Chiến lược: thực hiện giám sát chung, định kỳ kiểm tra tiến độ thực hiện; họp định kỳ hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả, đưa ra chỉ đạo.

- Ban Kiểm tra nội bộ: thành lập ban kiểm tra với nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch. Xây dựng kế hoạch kiểm tra chi tiết, thực hiện kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

- Cơ chế tự giám sát: Các phòng ban, tổ chuyên môn tự đánh giá kết quả thực hiện đảm bảo báo cáo trung thực, kịp thời các khó khăn vướng mắc.

5.3.2. Đánh giá kết quả thực hiện

- Phương pháp đánh giá: đánh giá định lượng dựa trên các chỉ số đã được thiết lập, đánh giá định tính thông qua phỏng vấn, khảo sát ý kiến của giáo viên, học sinh, phụ huynh.

- Báo cáo đánh giá: tổng hợp kết quả đánh giá hàng quý, hàng năm. So sánh với mục tiêu, chỉ tiêu đề ra để xác minh mức độ hoàn thành.

- Phản hồi và điều chỉnh: dựa trên kết quả đánh giá, đưa ra các đề xuất điều chỉnh kế hoạch; thảo luận trong Ban Chỉ đạo để quyết định các biện pháp cải tiến.

5.3.3. Khen thưởng và kỷ luật

- Khen thưởng: khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện kế hoạch; tạo động lực, khuyến khích sự nỗ lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Kỷ luật: xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, gây ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả thực hiện; áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của nhà trường và pháp luật.

5.3.4. Công tác truyền thông và minh bạch

- Công khai thông tin về tiến độ và kết quả thực hiện: thông báo rộng rãi trong nhà trường và cộng đồng về các hoạt động, kết quả đạt được; tạo sự đồng thuận, ủng hộ từ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh.

- Tiếp nhận ý kiến phản hồi: thiết lập kênh tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan; lắng nghe và giải quyết kịp thời các đề xuất, khiếu nại.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thanh Oai ;
- Liên tịch Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, HSV.⁽¹⁰⁾

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**



ThS. Nguyễn Hồng Quang

PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI